

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,665 – 1,700 trước khi giảm mạnh vào cuối phiên, xuống đóng cửa tại mốc 1,652.54 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất, Bảo hiểm,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong những phiên giao dịch tới, không thể bỏ qua khả năng thị trường có thể lùi tiếp xuống ngưỡng 1,625. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 27/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-30.64** điểm, đóng cửa tại **1652.54** điểm. HNX-Index **-1.92** điểm, đóng cửa tại **265.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.80)**, **POW (+0.25)**, **BVH (+0.18)**, **KBC (+0.17)**, **FTS (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-7.01)**, **VIC (-4.34)**, **TCB (-1.66)**, **VPB (-1.59)**, **MWG (-1.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,856** tỷ đồng, giảm **-3.24%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 30,796 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 44.62 điểm. Thị trường có **143** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **178** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1117.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-578.17 tỷ)**, **MBB (-445.75 tỷ)**, **MWG (-89.70 tỷ)**, **VCI (-86.08 tỷ)**, **PDR (-57.97 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-78.74** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+2.23%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+1.84%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+1.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.66%**. Các mã diễn biến tích cực:
FTS (+5.03%)
TNG (+4.30%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+3.36%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.72%	-0.66%	-1.82%	-2.25%
1 tuần	3.40%	1.86%	0.98%	1.60%
1 tháng	-3.25%	-4.58%	-0.49%	2.60%
3 tháng	5.29%	3.64%	10.66%	17.24%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,652.54	265.36	111.24
% 1D	-1.82%	-0.72%	0.33%
GTKL (tỷ VND)	27,856	2,119	584
%1D	-3.24%	-13.24%	-5.15%
GDNN (tỷ VND)	-1117.64	-78.74	-1.48

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	306.69	SSI	-578.17
VPB	120.67	MBB	-445.75
VIC	54.39	MWG	-89.70
LPB	54.34	VCI	-86.08
MSN	25.87	PDR	-57.97

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

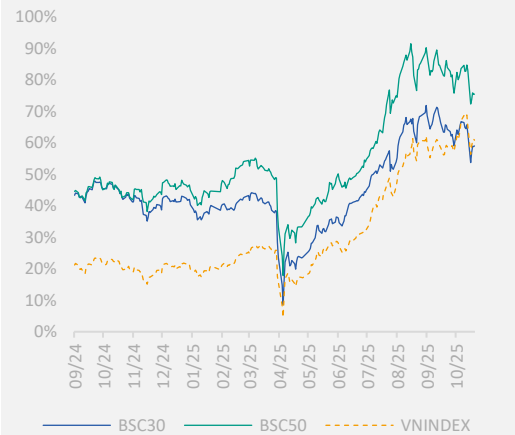
		%D	%W
SPX	6,792	0.79%	1.92%
FTSE100	9,645	-0.01%	2.57%
Eurostoxx	5,694	0.49%	0.23%
Shanghai	3,997	1.18%	3.44%
Nikkei	50,512	2.46%	2.78%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.32	-0.94%
Giá vàng	4,046	-1.75%
Tỷ giá		
USD/VND	26,351	0.00%
EUR/VND	31,414	0.31%
JPY/VND	176	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.00%
LS LNH 1M	5.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

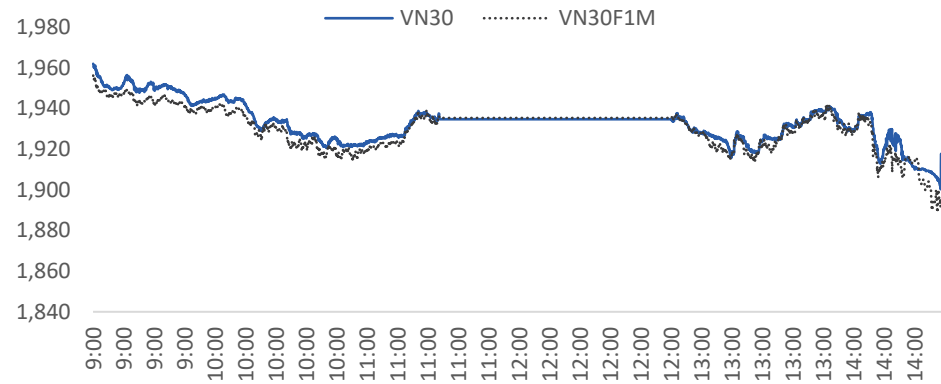
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1891.50	-2.37%	411,302	0.2%	20/11/2025	24
41I1G6000	1889.90	-2.08%	86	53.6%	18/06/2026	234
VN30F2512	1900.00	-1.95%	1,340	45.2%	18/12/2025	52
41I1G3000	1889.80	-1.62%	102	34.21%	19/03/2026	143

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -43.84 điểm, đóng cửa tại 1900.76 điểm. Biên độ dao động 61.33 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MWG, VIC, VRE, HDB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2510	23/02/2026	119	23,200	13.61%	23.04	4,680	27.9%	3.03	32.15	28.30	28.30
CFPT2510	23/02/2026	119	2,000	47.85%	132.82	560	14.3%	0.01	144.89	98.00	98.00
CVNM2521	25/06/2026	241	100	33.16%	67.30	900	12.5%	0.16	75.90	57.00	57.00
CTPB2508	25/12/2025	59	31,200	48.94%	25.40	370	8.8%	0.00	26.14	17.55	17.55
CHPG2535	25/03/2026	149	27,600	22.29%	29.70	1,200	7.1%	0.62	32.10	26.25	26.25
CFPT2503	26/03/2026	150	71,100	62.72%	155.24	490	6.5%	0.01	159.47	98.00	98.00
CFPT2518	23/09/2026	331	445,900	23.82%	106.99	1,650	5.8%	0.97	121.34	98.00	98.00
CTCB2515	25/12/2025	59	184,200	35.50%	44.81	550	5.8%	0.02	47.49	35.05	35.05
CFPT2523	25/03/2026	149	1,200	39.34%	117.80	750	5.6%	0.07	136.55	98.00	98.00
CFPT2525	25/03/2026	149	440,500	16.84%	103.00	1,150	5.5%	0.56	114.50	98.00	98.00
CFPT2517	23/06/2026	239	1,434,600	20.00%	106.99	1,220	5.2%	0.74	117.60	98.00	98.00
CVNM2508	19/11/2025	23	31,200	16.24%	64.63	220	4.8%	0.00	66.25	57.00	57.00
CFPT2512	13/04/2026	168	2,645,600	19.60%	108.67	990	4.2%	0.49	117.21	98.00	98.00
CHPG2527	4/05/2026	189	8,500	24.36%	27.44	1,300	4.0%	0.59	32.64	26.25	26.25
CTPB2504	23/12/2025	57	800	4.27%	13.00	2,650	3.9%	2.33	18.30	17.55	17.55
CHPG2515	19/12/2025	53	28,800	12.50%	26.83	810	3.8%	0.36	29.53	26.25	26.25
CHPG2409	4/11/2025	8	29,200	2.53%	20.82	2,440	3.8%	2.18	26.91	26.25	26.25
CLPB2505	5/01/2026	70	100	2.60%	36.69	4,140	3.5%	3.90	53.25	51.90	51.90
CHPG2521	11/12/2025	45	3,700	5.83%	23.32	1,340	3.1%	0.99	27.78	26.25	26.25
CFPT2524	25/06/2026	241	1,400	47.90%	118.69	1,050	2.9%	0.13	144.94	98.00	98.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 27/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVPB2510 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 27.87%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.27%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CVPB2524, CFPT2503, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408, CVIC2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	98.00	0.31%	0.40
GVR	27.40	3.20%	0.21
DGC	92.90	0.54%	0.17
STB	54.60	0.18%	0.13
SAB	45.45	0.66%	0.06

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	106.50	-6.99%	-8.23
MWG	81.00	-5.48%	-7.24
VIC	214.00	-2.28%	-6.69
VRE	36.10	-6.96%	-3.36
HDB	31.10	-4.89%	-2.89

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	27.40	3.20%	0.80	4.00
POW	13.85	3.36%	0.25	2.34
BVH	49.80	2.15%	0.18	0.74
KBC	34.45	2.23%	0.17	0.94
FTS	34.45	5.03%	0.14	0.35

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	31.90	3.57%	0.26	0.38
IDC	36.10	3.14%	0.26	0.38
NVB	15.00	2.04%	0.22	1.17
PTI	32.50	5.18%	0.12	0.12
VIF	16.00	3.23%	0.11	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTB	9.96	6.98%	0.00	0.06
HVX	3.07	6.97%	0.00	0.12
GTA	9.85	6.95%	0.00	0.00
DAT	7.73	6.92%	0.01	0.01
HSL	8.66	6.91%	0.01	3.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMT	14.50	9.85%	0.03	0.09
MKV	13.40	9.84%	0.02	0.02
SDU	18.10	9.70%	0.13	0.00
PTS	10.30	9.57%	0.02	0.11
BBS	11.90	9.17%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	106.50	-6.99%	-7.01	4.11
VIC	214.00	-2.28%	-4.34	3.88
TCB	35.05	-2.91%	-1.66	7.09
VPB	28.30	-3.08%	-1.59	7.93
MWG	81.00	-5.48%	-1.51	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	82.00	-3.30%	-1.46	0.90
CEO	27.80	-9.74%	-0.92	0.57
KSV	158.80	-3.76%	-0.72	0.20
HUT	16.10	-4.17%	-0.43	1.07
NTP	64.50	-2.27%	-0.15	0.17

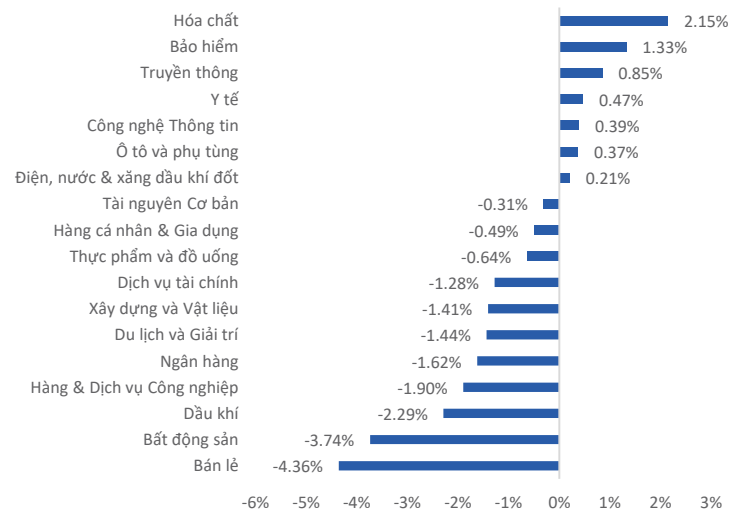
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTT	15.30	-6.99%	0.00	0.00
VHM	106.50	-6.99%	-7.00	7.97
GEX	48.00	-6.98%	-0.69	28.45
VRE	36.10	-6.96%	-1.31	12.59
VNE	6.42	-6.96%	-0.01	0.31

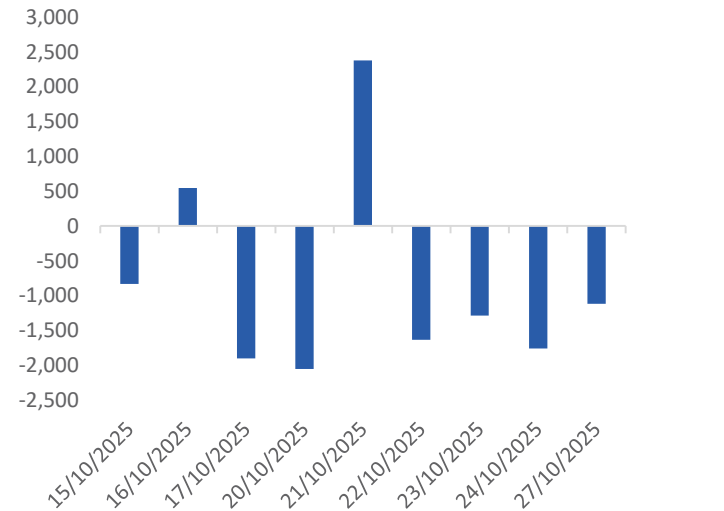
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	27.80	-9.74%	-5.60	27.64
PEN	9.80	-9.26%	-0.02	0.00
HOM	4.90	-5.77%	-0.07	0.14
VNF	16.30	-5.23%	-0.10	0.04
PPP	18.90	-5.03%	-0.03	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.0	-5.5%	1.1	126,704	888.5	3,955	21.7	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.5	2.2%	1.4	31,737	280.7	1,835	18.4	46,000	10.6%	Link
KDH	Bất động sản	32.5	-3.9%	1.1	37,931	145.2	716	47.2	39,900	26.9%	Link
PDR	Bất động sản	22.1	-6.8%	1.3	23,172	455.0	177	133.9	28,200	10.3%	Link
VHM	Bất động sản	106.5	-7.0%	1.2	470,299	882.2	6,984	16.4	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	98.0	0.3%	0.9	166,433	1277.9	5,280	18.5	118,700	36.6%	Link
BSR	Dầu khí	26.4	-3.5%	0.0	84,644	206.9	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.0	-0.6%	1.5	14,913	76.1	2,644	11.8	42,800	10.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.0	-2.6%	1.3	26,567	511.7	1,462	16.8		36.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.8	-3.3%	1.1	74,733	2523.4	1,564	23.0		35.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.4	0.0%	1.1	27,025	355.6	1,589	23.5		21.9%	
DCM	Hóa chất	34.4	1.2%	1.4	18,000	106.8	3,186	10.7	47,300	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	92.9	0.5%	1.2	35,092	137.2	8,296	11.1	109,300	12.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	0.0%	0.9	128,416	265.4	3,385	7.4	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.5	-1.1%	1.1	259,088	76.1	3,683	10.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	48.6	-2.4%	1.1	267,426	269.9	5,608	8.9	53,500	25.8%	Link
HDB	Ngân hàng	31.1	-4.9%	1.2	125,710	762.5	3,933	8.3	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	-2.5%	1.0	196,542	1277.1	3,046	8.0	32,000	21.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-1.6%	1.1	38,376	77.8	1,634	7.5	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	54.6	0.2%	0.9	102,744	282.2	6,148	8.9		17.0%	
TCB	Ngân hàng	35.1	-2.9%	1.1	255,813	597.1	3,113	11.6	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.6	-2.0%	1.2	47,291	133.5	2,423	7.4	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	59.2	-0.5%	0.7	497,163	172.6	4,148	14.3	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	0.9	62,974	77.3	2,218	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.3	-3.1%	1.2	231,671	1214.7	2,603	11.2	35,600	23.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	-0.6%	1.0	202,632	746.3	1,750	15.1	34,300	18.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	1.8%	1.1	10,122	66.0	751	21.7	23,800	6.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.6	0.0%	1.2	9,833	87.7	4,124	6.2	31,700	3.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.5	-1.0%	1.2	114,661	601.2	1,860	42.6	92,700	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.0	-1.9%	0.6	121,426	173.5	4,101	14.2	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.1	-1.39%	1.2	8,758	24.4	2,215	17.9	20.4%		Link
FRT	Bán lẻ	146.3	-0.81%	0.9	25,120	99.0	3,163	46.6	31.9%		Link
BVH	Bảo hiểm	49.8	2.15%	1.3	36,188	13.5	3,278	14.9	27.0%		
DIG	Bất động sản	20.4	-6.85%	1.1	17,442	368.0	209	104.6	5.9%		
DXG	Bất động sản	20.2	-3.35%	1.1	21,295	335.1	350	59.8	22.3%		Link
HDC	Bất động sản	33.1	-5.84%	1.0	6,260	221.6	3,424	10.3	7.5%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.2	-4.88%	1.5	11,746	98.2	540	58.8	20.2%		Link
IDC	Bất động sản	36.1	3.14%	1.3	13,282	69.8	3,977	8.8	11.5%		Link
NLG	Bất động sản	36.8	-2.39%	1.1	18,292	65.5	1,699	22.2	46.1%		Link
SIP	Bất động sản	54.5	2.25%	1.3	12,905	20.5	5,215	10.2	3.3%		
SZC	Bất động sản	30.0	1.35%	1.1	5,328	26.1	1,763	16.8	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.2	-3.86%	1.5	19,111	119.8	1,098	20.0	12.4%		Link
VIC	Bất động sản	214.0	-2.28%	1.2	843,810	1971.1	3,487	62.8	3.8%		
VRE	Bất động sản	36.1	-6.96%	1.4	88,166	472.7	1,937	20.0	14.9%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.5	1.94%	1.2	8,205	40.3	1,700	22.8	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	34.2	-0.44%	0.8	43,581	26.7	1,661	20.7	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	20.1	-0.50%	1.2	11,201	47.7	1,428	14.1	3.5%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.5	5.03%	1.3	11,365	170.9	1,262	26.0	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.3	0.69%	1.8	19,168	150.6	1,673	17.4	5.5%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.3	-0.50%	0.8	143,812	30.8	5,002	11.9	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.9	3.36%	0.9	31,381	113.7	636	21.1	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.6	0.81%	0.7	33,637	12.5	4,417	14.1	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	175.3	-2.61%	0.4	106,490	532.2	3,427	52.5	7.2%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.0	-6.98%	0.8	46,564	1400.8	1,736	29.7	9.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.5	-0.45%	1.0	28,490	96.6	3,822	17.5	42.7%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-4.11%	0.7	9,861	183.2	5,700	10.3	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.1	-0.58%	0.9	8,083	19.5	2,306	7.5	8.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.5	0.70%	0.0	13,847	156.6	3,317	34.3	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	93.5	-1.58%	0.9	32,409	76.6	6,110	15.6	48.7%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.7	2.50%	1.0	3,131	52.3	2,693	10.4	49.1%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	4.30%	1.3	2,394	46.3	2,885	6.5	17.7%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.6	2.61%	1.2	15,638	127.9	957	24.0	5.3%		Link
GVR	Hóa chất	27.4	3.20%	1.9	106,200	108.8	1,331	20.0	0.3%		
EIB	Ngân hàng	22.5	-0.66%	0.9	42,097	149.8	1,783	12.7	4.4%		Link
LPB	Ngân hàng	51.9	-0.57%	0.8	155,936	162.9	3,469	15.1	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-0.35%	0.0	24,363	19.3	2,260	6.3	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	12.9	-0.39%	1.0	34,353	126.6	1,130	11.4	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.7	1.29%	0.9	6,937	93.7	666	23.3	4.9%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.8	-1.03%	1.4	7,748	60.5	2,829	10.3	4.4%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.8	-1.40%	0.7	9,805	38.9	1,981	16.3	3.0%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	0.66%	0.8	57,908	35.1	3,185	14.2	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.3	1.84%	1.2	12,188	60.1	6,444	8.4	19.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	167.0	-4.02%	0.3	14,244	20.3	14,639	11.9	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.2	-3.00%	1.1	9,119	94.4	4,565	19.7	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.0	0.11%	1.2	10,398	103.6	4,930	18.4	5.5%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.5	-3.74%	1.2	4,450	41.6	2,518	17.5	5.5%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.5	0.00%	1.2	7,188	88.2	1,077	13.4	10.1%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.3	0.45%	1.1	7,940	36.3	1,189	18.7	12.9%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.4	-0.59%	0.9	16,517	154.2	1,195	21.4	7.2%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.8	0.54%	1.2	20,848	52.4	3,090	15.1	4.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>